

Số: 06/2023/QĐST-DS

M, ngày 05 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 328; 385; 410 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7, 9 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc: “tranh chấp hợp đồng dân sự”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1973; nơi thường trú: thôn 5, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Văn H, sinh năm: 1976; nơi đăng ký thường trú: số 30 phố D, khu H, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số 38, đường N, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Sỹ D - Luật sư, Văn phòng luật sư M thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: khu 5, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh,

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1957; nơi thường trú: thôn 5, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Đức N, sinh năm 1961; nơi thường trú: thôn 1, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Bùi Thị H, sinh năm: 1973, nơi

thường trú: thôn 5, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Văn H, sinh năm: 1976; nơi đăng ký thường trú: số 30 phố D, khu H, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số 38, đường N, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về việc thực hiện hợp đồng: ông Nguyễn Văn L (có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Văn H) và bà Nguyễn Thị Đ (có người đại diện theo ủy quyền ông Trần Đức N) thống nhất tiếp tục thực hiện Hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận tại Giấy giao nhận tiền ngày 26/01/2022; Hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2022 cụ thể như sau: bà Nguyễn Thị Đ thực hiện tách thửa cho ông Nguyễn Văn L, bà Bùi Thị H phần đất có diện tích 532,7m² đất; trong đó có 150m² đất ở, 382,7m² đất trồng cây lâu năm được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-6-7-8-9-14-1 (có sơ đồ kèm theo), trong diện tích 382,7m² đất trồng cây lâu năm có 49,4 m² đất nằm trong chỉ giới hành lang giao thông và được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có 49,4m² là đất nằm trong chỉ giới hành lang giao thông theo quy định của pháp luật, toàn bộ diện tích 532,7m² đất thuộc một phần của thửa đất số 25, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất tại thôn 5, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 915932, sổ vào sổ cấp GCN: CH00415 do UBND thành phố M cấp ngày 27/12/2022 cho hộ bà Nguyễn Thị Đ.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tách thửa, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

- Vợ chồng ông L, bà H tiếp tục thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận tại Giấy giao nhận tiền ngày 26/01/2022; Hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2022 phải thanh toán nốt số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) cho bà Đ sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thỏa thuận kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật nếu ông L, bà H không trả tiền cho bà Đ thì bà Đ có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự buộc ông L, bà H phải trả số tiền theo thỏa thuận và khoản tiền lãi với mức lãi suất do chậm trả là 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến khi thi hành xong.

- Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.500.000đ (năm triệu, năm trăm nghìn đồng) ông L đã thanh toán xong. Các đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ mỗi người phải chịu 50% chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho ông L số tiền 2.750.000đ (hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền xem xét thẩm định tại chỗ cho ông L.

- Về án phí: ông Nguyễn Văn L phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự không có giá ngạch; 3.750.000đ (ba triệu, bảy trăm năm mươi

ngàn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng: 3.825.000đ (ba triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007784 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M. Ông Nguyễn Văn L còn phải nộp 3.525.000đ (ba triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. M;
- Thi hành án dân sự TP. M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương